

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 11 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về
thi điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng
Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp
Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Ecowash HCMC tại Văn bản số 1411/CV-ECW
ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở
“Cơ sở giặt là công nghiệp công suất 9.600.000 sản phẩm/năm” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường tại Tờ trình ngày 20 tháng 11
năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Ecowash HCMC, địa chỉ trụ sở chính tại
Lô C5 đường số 3, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè,
Thành phố Hồ Chí Minh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường đối với cơ
sở “Cơ sở giặt là công nghiệp công suất 9.600.000 sản phẩm/năm” địa chỉ tại Lô C5,
đường số 3, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố
Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Vi Dan) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Cơ sở giặt là công nghiệp công suất 9.600.000 sản phẩm/năm.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô C5 đường số 3, KCN Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Vi Dan).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0316201425 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 03 năm 2020, chứng nhận đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11 tháng 03 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 4284354116 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp chứng nhận lần đầu ngày 24 tháng 7 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 0316201425.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú. Chi tiết: Giặt là (trừ tẩy nhuộm, hồ, in và không gia công hàng đã qua sử dụng; không thuộc da, luyện cao su tại khu công nghiệp Hiệp Phước).

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Giặt là công nghiệp 9.600.000 sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Ecowash HCMC:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Ecowash HCMC có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải đảm bảo chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép môi trường: *đến ngày 29 tháng 02 năm 2032.*

Điều 4. Giao Phòng Quản lý Môi trường - Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Ecowash HCMC;
- UBND TPHCM;
- Sở TN&MT TPHCM;
- UBND huyện Nhà Bè;
- Công ty CP Khu công nghiệp Hiệp Phước;
- Lãnh đạo Ban;
- Cổng thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
- Lưu: VT, P.QLMT,Tg (12).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Phạm Thanh Trục

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 11 năm 2024
của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Cơ sở không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước, không xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:****1.1. Mạng lưới thu gom nước thải**

- Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy có công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Nước thải sản xuất (nước thải từ quá trình giặt xả, nước xả đáy lò hơi, nước tái sinh cột lọc nước thải, nước thải từ hệ thống xử lý khí thải) được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy có công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm để xử lý trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

- Nước thải sau xử lý của cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hiệp Phước tại 01 hố ga đầu nối trên đường số 14 (bên ngoài hàng rào nhà máy), có tọa độ: X = 1175863,8, Y = 609803,2 (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiếu 3°).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**1.2.1. Bể tự hoại:**

- Số lượng: 02 bể.
- Tổng thể tích: 12 m³.
- Thể tích mỗi bể: 6 m³.
- Hóa chất sử dụng: Không.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sản xuất + Nước thải sinh hoạt → Bể thu gom → Thiết bị lọc rác → [Bể điều hòa → Tháp giải nhiệt (tuần hoàn)] → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng I → Bể lắng II → Bể chứa sau xử lý → Hồ ga lấy mẫu sau hệ thống xử lý nước thải (bên trong hàng rào nhà máy) → Đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

Bùn phát sinh từ bể lắng I và bể lắng II được bơm về bể chứa bùn (nước tách bùn sẽ được đưa về bể thu gom). Bùn được thu gom, xử lý định kỳ.

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Hóa chất phá bọt, H₂SO₄, PAC, Polymer, Clorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động, hút bùn từ bể tự hoại định kỳ để đảm bảo khả năng hoạt động của bể tự hoại.

- Thường xuyên vận hành, kiểm tra, duy tu và bảo dưỡng các máy móc, thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải theo đúng hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Không có công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Cam kết vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình và hướng dẫn vận hành.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải có sự cố nghiêm trọng (lưu lượng quá tải, nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn), chưa thể khắc phục ngay, sẽ tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải để khắc phục sự cố.

- Trang bị máy bơm dự phòng cho hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ phối hợp với chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước kiểm tra chất lượng nước thải tại hồ ga đầu nối để theo dõi các hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

- Nếu có bất kỳ nguyên nhân nào làm một hạng mục/thiết bị hoặc toàn bộ hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động, khi đó Công ty sẽ giảm thiểu tối đa lượng nước cấp cho sinh hoạt, sản xuất không cần thiết, có giải pháp thu gom và liên hệ Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước để được hỗ trợ xử lý, không để nước thải chảy ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Dự kiến sau khi được cấp giấy phép môi trường (Tháng 12 năm 2024).

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 400 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: Tại bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải.

- Đầu ra: Tại hồ ga lấy mẫu sau hệ thống xử lý nước thải (bên trong hàng rào nhà máy).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm: pH, nhiệt độ, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng (TSS), độ màu, Tổng nitơ, Tổng photpho, Clorua.

- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý nước thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Hiệp Phước; không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa và đấu nối đúng quy định của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

3.5. Bố trí nhân viên quản lý vận hành hệ thống xử lý nước thải. Yêu cầu người quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải phải có trình độ chuyên môn cần thiết và nắm bắt được một số nguyên tắc, thực hiện đúng các thao tác kỹ thuật về quản lý, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.6. Lập nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải, bao gồm: lưu lượng nước thải, lượng điện tiêu thụ, lượng hóa chất sử dụng và lượng bùn thải của hệ thống xử lý nước thải.

3.7. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải của lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ, đốt bằng than cám Indo.

- Nguồn số 02: Khí thải của lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ, đốt bằng than cám Indo.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của nhà máy Công ty Cổ phần Ecowash HCMC tại Lô C5, đường số 3, Khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ (Nguồn số 01), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1176157,0$; $Y = 609824,0$.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ (Nguồn số 02), tọa độ vị trí xả khí thải: $X = 1176156,0$; $Y = 609822,7$.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $32.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất $22.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải liên tục trong thời gian hoạt động của nguồn phát sinh khí thải.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, hệ số $K_p = 0,9$ và $K_v = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ với tần suất 03 tháng/lần (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	180		
3	CO	mg/Nm ³	900		
4	SO ₂	mg/Nm ³	450		
5	NO _x	mg/Nm ³	765		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Khí thải từ nguồn số 01 được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý khí thải của lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải từ nguồn số 02 được thu gom, xử lý qua hệ thống xử lý khí thải của lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ trước khi thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ → Cyclone đơn → Quạt hút → Bể đập bụi → Ống thoát khí thải đường kính 650 mm, cao 21 m tính từ mặt đất.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 32.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải của lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ → Cyclone chùm → Quạt hút → Bể đập bụi → Ống thoát khí thải đường kính 650 mm, cao 21 m tính từ mặt đất.

- Công suất thiết kế của hệ thống: 22.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đầu tư thiết kế hệ thống xử lý khí thải phù hợp với công suất, lưu lượng phát thải nhằm tránh tình trạng quá tải của hệ thống.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi hệ thống thoát khí thải, hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này phải ngừng ngay việc xả khí thải ra môi trường để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống như:

+ Luôn trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý khí thải.

+ Trong trường hợp thiết bị gặp sự cố, nhanh chóng khắc phục sự cố và sử dụng thiết bị dự phòng cho hệ thống trong khi khắc phục sự cố.

+ Giám sát hệ thống xử lý khí thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Dự kiến sau khi được cấp giấy phép môi trường (Tháng 12 năm 2024).

- Thời gian kết thúc vận hành thử nghiệm: Sau 03 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế 32.000 m³/giờ (lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ).

- Hệ thống xử lý khí thải công suất thiết kế 22.000 m³/giờ (lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Tại vị trí lỗ kỹ thuật trên thân ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ. Tọa độ lấy mẫu: X = 1176157,0; Y = 609824,0;

- Tại vị trí lỗ kỹ thuật trên thân ống thoát khí thải của hệ thống xử lý khí thải lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ. Tọa độ lấy mẫu: X = 1176156,0; Y = 609822,7.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45' múi chiều 3°).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của các hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này:

- Chất ô nhiễm chính: Lưu lượng, Bụi tổng, CO, SO₂, NO_x.

- Giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, hệ số K_p = 0,9 và K_v = 1,0).

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Đảm bảo bụi, khí thải phát sinh tại dự án phải được thu gom, xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K_p = 0,9 và K_v = 1,0).

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường, đồng thời phải dừng ngay việc xả bụi, khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Tại khu vực xưởng giặt là.
- Nguồn số 02: Tại khu vực lò hơi.
- Nguồn số 03: Tại khu vực xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: X = 1176136,8; Y = 609793,3.
- Nguồn số 02: X = 1176145,7; Y = 609825,7.
- Nguồn số 03: X = 1176160,2; Y = 609818,6.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°45', múi chiều 3°).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Bố trí các máy móc, thiết bị trong các dây chuyền sản xuất một cách hợp lý; đồng thời thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng máy móc định kỳ; bôi trơn

các chi tiết chuyên động của máy móc; sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các bộ phận thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Các máy có độ ồn cao sẽ được lắp đặt trên nệm cao su sao cho độ ồn được giảm tối đa.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị và thường xuyên kiểm tra độ cân bằng, hiệu chỉnh khi cần thiết.

- Trang bị đủ phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân trực tiếp sản xuất, giám sát việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi làm việc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn cho các thiết bị để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-BQL ngày tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	12
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	24
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	24
4	Pin, ắc quy chì thải	16 01 12	3
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	15.697
6	Bao bì nhựa cứng thải (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải (bao bì hoá chất)	18 01 03	12.150
Tổng			27.910

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy carton thải bỏ	1.500
2	Bao bì nhựa thải	3.000
3	Bụi vải khô từ quá trình sấy	600
4	Hộp mực in (từ mực in văn phòng)	15
5	Tro, xỉ thải từ lò hơi	247.000
Tổng		252.115

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 39 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí các thùng nhựa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 60 lít và 120 lít chứa riêng đối với từng loại chất thải; có dán mã chất thải và ký hiệu cảnh báo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải định kỳ được bơm hút và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa:

- Kho chứa chất thải nguy hại: 6 m².

- Kho được bố trí ngay bên trong nhà xưởng, nền bê tông, tường gạch, có bảng tên và biển cảnh báo theo đúng quy định và trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp thông thường

2.2.1 Thiết bị lưu chứa:

- Đối với tro xỉ thải từ hoạt động của lò hơi: Lưu chứa trong các bao PP, bao PE, cột kín miệng, lưu giữ tạm thời trong khu vực nhà lò hơi.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: Sử dụng bao bì lưu chứa và dán nhãn phân loại theo đúng quy định gồm: chất thải rắn công nghiệp thông thường có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Đối với tro xỉ thải từ hoạt động của lò hơi: Diện tích khoảng 4 m² tại khu vực nhà lò hơi.

- Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: Diện tích 4 m² được bố trí riêng ngay bên trong nhà xưởng, với nền bê tông, có vách ngăn bao quanh tách riêng khu vực sản xuất, có bảng tên.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng chứa rác nhựa 30 lít - 60 lít tại các khu vực có thể phát sinh rác sinh hoạt như: nhà vệ sinh, một số khu vực trong văn phòng, phòng tiếp khách,... Đây là các thùng chứa rác chuyên dụng có nắp đậy kín, có dán nhãn phân loại đảm bảo rác thải sinh hoạt được phân loại tại nguồn theo đúng quy định gồm: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.

2.3.2. Khu vực tập trung:

Công ty không bố trí nhà kho lưu chứa mà hàng ngày tập kết vào các thùng chứa lớn 240 lít tập trung tại khu vực hành lang bên phải nhà xưởng (gần cổng 1) của nhà máy để thuận tiện cho đơn vị thu gom rác sinh hoạt đến vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-BQL ngày tháng 11 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

5. Sử dụng nguyên liệu đốt lò hơi theo báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt; đồng thời nghiên cứu, xem xét chuyển đổi nguyên liệu sang các nguồn nguyên, nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường để phù hợp với đề án định hướng chuyển đổi của Khu công nghiệp Hiệp Phước.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.